

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 422 /2023/DS-PT

Ngày 15 –12– 2023

V/v tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập

Các Thẩm phán: Ông Đặng Minh Trung
Bà Đinh Cẩm Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyễn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Từ Thanh Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 427/2023/TLPT-DS ngày 01 tháng 11 năm 2023 về việc: Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 315/2023/DS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 298/2023/QĐ-PT ngày 22 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Dương Văn H1, sinh năm 1964 (Vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp K, xã T, huyện T, tỉnh C ..

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Dương Văn H1: Ông Huỳnh Ngọc H2, sinh năm 1971; địa chỉ cư trú: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh C (Có mặt).

- Bị đơn: Ông Dương Văn N, sinh năm 1977 (Có mặt);

Địa chỉ cư trú: Khóm 7, thị t, huyện T, tỉnh C .

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Văn D, sinh năm 1984 (Vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Khóm 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh C

2. Bà Dương Thị O, sinh năm 1956 (Vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Khóm 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh C.

3. Bà Dương Thị M, sinh năm 1959 (Vắng mặt);

4. Ông Dương Văn C1, sinh năm 1966 (Vắng mặt);
 5. Ông Dương Văn S, sinh năm 1967 (Vắng mặt);
 6. Bà Trần Thị T3, sinh năm 1972 (Vắng mặt);
- Cùng địa chỉ cư trú: ấp K, xã T, huyện T, tỉnh C ..

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà Trần Thị T3: Ông Huỳnh Ngọc H2, sinh năm 1971; địa chỉ cư trú: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh C (có mặt).

7. Ông Dương Văn T1, sinh năm 1963 (Vắng mặt);
 8. Ông Dương Văn T2, sinh năm 1972 (Vắng mặt);
 9. Ông Dương Văn C2, sinh năm 1974 (Vắng mặt);
- Cùng địa chỉ cư trú: Ấp C, xã P, huyện P, tỉnh C ..
- *Người kháng cáo:* Ông Dương Văn N, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện của ông Dương Văn H1 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện của ông H1 là ông Đặng Ngọc Hậu trình bày:*

Cha mẹ của ông H1 là ông Dương Văn Lộc (chết 1990) và bà Lâm Thị Hậu (chết năm 2016) có 11 người con, gồm: Bà Dương Thị O, bà Dương Thị M, ông Dương Văn T1, ông Dương Văn H1, ông Dương Văn C1, ông Dương Văn S, ông Dương Văn T2, ông Dương Văn C2, bà Dương Thị Nhân (đã chết lúc còn nhỏ), ông Dương Văn N và Dương Văn Lý (chết lúc còn nhỏ).

Lúc sinh thời cha mẹ ông H1 có tạo lập được phần đất tích khoảng 33.000m², được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1994 cho bà Lâm Thị Hậu đứng tên. Năm 2000, bà H2 kêu vợ chồng ông H1 về ở chung với bà để chăm sóc, phụng dưỡng do thời điểm này bà H2 đã lớn tuổi.

Năm 2002, bà H2 họp gia đình để chia đất cho các con. Trong số 09 người con còn lại thì có 02 người đã có tài sản là bà Dương Thị O và ông Dương Văn T1, nên phần diện tích đất khoảng 25 công (tầm 3m) chia đều cho 07 người con, mỗi người 03 công (tầm 3m). Khi chia đất thì những người con được nhận đất canh tác quản lý nhưng không có làm giấy tờ tặng cho. Chỉ riêng ông H1 thì được bà H2 làm tờ di chúc cho đất vào ngày 27/01/2002; phần còn lại 04 công thì bà H2 quản lý.

Đối với phần diện tích đất bà H2 cho những người con được hưởng thì đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xong. Phần còn lại diện tích khoảng 06 công (chung với ông Dương Văn N) và phần diện tích 04 công của bà H2 thì bà H2 giao cho ông N đứng tên quản lý, sau đó ông N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, ông H1 yêu cầu ông N giao lại cho ông H1 phần diện tích 03 công (tầm 3m) mà ông được hưởng theo di chúc ngày 27/01/2002. Riêng đối với phần đất để làm hương hỏa và lối đi vào khu mộ nếu nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông N giao cho ông thì ông thống nhất quản lý, còn nằm qua phần đất khác mà ông N đang quản lý thì yêu cầu ông N giao lại.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông H1 có yêu cầu khởi kiện bổ sung, yêu cầu hủy một phần Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Dương

Văn N với ông Lê Văn D, diện tích 1.835,7m² thuộc một phần thửa số 447, tờ bản đồ số 05.

- Theo ông Dương Văn N trình bày:

Ông thống nhất lời trình bày của ông H1 về quan hệ gia đình và nguồn gốc đất. Ông đồng ý việc bà H2 có hợp gia đình để chia đất cho các con nhưng không có làm văn bản. Mỗi người con đều được nhận 03 công (tầm 3m) riêng đối với bà O và ông T1 thì không có chia do đã có tài sản riêng. Phần diện tích đất còn lại do ông đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp ngày 04/6/2021, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB204629 thuộc thửa số 446, diện tích 6.241,6m² và DB 204627, thuộc thửa số 447, diện tích 5.819,4m² tờ bản đồ số 05, đất tọa lạc tại ấp K, xã T, huyện T, tỉnh C .. Phần đất ông H1 yêu cầu nằm một phần trong 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa số 446 và 447, ông đã chuyển nhượng cho ông Lê Văn D, diện tích 2.051,5m² tại thửa 446 và diện tích 1.835,7m² tại thửa 447 và tặng cho bà Dương Thị M diện tích 1.794,3m² vào ngày 24/10/2022 đã được đăng ký biến động quyền sử dụng đất. Phần diện tích còn lại 6.379,5m² thuộc một phần của 02 thửa 466 là 4.190,1m² và thửa 477 là 2.189,4m², ông đồng ý giao lại cho ông H1 quản lý sử dụng, trong đó có đường đi vào khu mộ chiều ngang 3 mét và phần đất làm hương hỏa. Còn ông H1 muốn chuộc lại thì giữa ông H1 và ông D tự thỏa thuận.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông H1 và ông N thống nhất thỏa thuận, ông N đồng ý giao lại cho ông H1 toàn bộ diện tích đất còn lại sau khi đã chuyển nhượng cho ông Lê Văn D và tặng cho bà Dương Thị M, phần diện tích còn lại theo đo đạc thực tế diện tích 4.094,9m² và phần diện tích hương hỏa trong đó có lối đi vào khu mộ theo đo đạc thực tế 2.225,7m² thuộc các thửa số 467, 468, 470 và 471, tờ bản đồ số 05 (năm 2003), đất tọa lạc tại ấp K, xã T, huyện T, tỉnh C .; do đó, ông H1 xin rút lại yêu cầu khởi kiện bổ sung.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 315/2023/DS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn H1 về việc yêu cầu phân chia di sản thừa kế của bà Lâm Thị Hậu đối với phần đất 4.094,9m² theo bản vẽ trích đo hiện trạng ngày 25/12/2022 của Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường Dâng Phong thuộc một phần các thửa số 467, 468, 470 và 471, tờ bản đồ số 05, đất tọa lạc tại ấp K, xã T, huyện T, tỉnh C ..

Giao phần đất khu mộ và đường vào khu mộ tính từ điểm 3-4 và 4-5 (chiều ngang mặt tiền lộ xi măng 3,03m) đến điểm số 19-21, 21-22 và 22-24 (chiều ngang mặt hậu 2,73m) tổng diện tích 2.225,7m². Cho ông Dương Văn H1 trực tiếp chăm sóc làm nơi hương hỏa cho thân tộc. Các con cháu đều có quyền đến thăm nom, chăm sóc, cúng kiến, không ai được ngăn cản (kèm theo bản vẽ hiện trạng ngày 25/12/2022 của Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường Dâng Phong).

Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của ông Dương Văn H1 về việc yêu cầu hủy một phần Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Dương Văn N với ông Lê Văn D, diện tích 1.835,7m² thuộc một phần thửa số 447, tờ bản đồ số 05.

Về chi phí tố tụng: Do ông H1 là người được nhận tài sản nên ông H1 phải chịu một nửa chi phí. Tổng chi phí đo đạc thẩm định, định giá 35.823.400 đồng, ông Dương Văn H1 đã dự nộp và chi trả xong. Ông Dương Văn N phải chịu một nửa, nên buộc ông N phải trả lại cho ông H1 17.911.700 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21/9/2023, ông Dương Văn N có đơn kháng cáo, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, không buộc ông N phải chịu chi phí tố tụng, mà buộc ông H1 phải chịu toàn bộ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Dương Văn N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phản tranh luận tại phiên tòa:

Ông N không có ý kiến tranh luận.

Ông H2 phát biểu: Yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của ông Dương Văn N, sửa bản án sơ thẩm: Buộc ông H1 chịu toàn bộ chi phí tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Dương Văn H1 khởi kiện ông Dương Văn N để yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất theo di chúc lập ngày 27/01/2002 của cụ Lâm Thị Hậu đối với diện tích đất ông H1 được hưởng 03 công (tầm 3 mét), diện tích theo đo đạc thực tế 4.094,9m²; đồng thời, ông H1 còn yêu cầu ông N giao lại cho ông H1 phần đất hương hỏa và lối đi chung theo biên bản hợp gia đình ngày 14/7/2021 đối với diện tích đất theo đo đạc thực tế 2.225,7m², đất tọa lạc tại ấp K, xã T, huyện T, tỉnh C .. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H1 và buộc ông H1, ông N mỗi người chịu ½ chi phí tố tụng bằng 17.911.700 đồng. Ông H1 và ông N không có kháng cáo đối với quyết định của bản án sơ thẩm phân chia thừa kế diện tích đất; ông N chỉ kháng cáo đối với phần chi phí tố tụng mà quyết định của bản án sơ thẩm buộc ông N phải chịu.

[2] Xét kháng cáo của ông Dương Văn N, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H1 đã nộp chi phí đo đạc, thẩm định, định giá tổng số tiền 35.823.400 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của ông H1 được chấp nhận, đáng lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm phải buộc ông N phải chịu toàn bộ khoản tiền chi phí đo đạc, thẩm định, định giá 35.823.400 đồng nêu trên mới đúng theo quy định tại các Điều 157, 165 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông H1 và ông N mỗi người chịu ½ khoản tiền chi phí đo đạc, thẩm định, định giá bằng 17.911.700 đồng là có lợi cho ông N. Do đó, kháng cáo của ông N yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, không buộc ông N phải chịu chi phí tố tụng mà buộc ông H1 phải chịu toàn bộ là không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[4] Từ nhận định trên, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Dương Văn N, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm ông N phải chịu theo quy định.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Dương Văn N.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 315/2023/DS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn H1 về việc yêu cầu phân chia di sản thừa kế của bà Lâm Thị Hậu đối với phần đất 4.094,9m² theo bản vẽ trích đo hiện trạng ngày 25/12/2022 của Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường Dâng Phong thuộc một phần các thửa số 467, 468, 470 và 471, tờ bản đồ số 05, đất tọa lạc tại ấp K, xã T, huyện T, tỉnh C ..

Giao phần đất khu mộ và đường vào khu mộ tính từ điểm 3-4 và 4-5 (chiều ngang mặt tiền lộ xi măng 3,03m) đến điểm số 19-21, 21-22 và 22-24 (chiều ngang mặt hậu 2,73m) tổng diện tích 2.225,7m² cho ông Dương Văn H1 trực tiếp quản lý làm nơi hương hỏa cho thân tộc. Những người trong thân tộc có quyền đến thăm nom, chăm sóc, cúng kiến, không ai được ngăn cản.

(Kèm theo bản vẽ hiện trạng ngày 25/12/2022 của Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường Dâng Phong).

- Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của ông Dương Văn H1 về việc yêu cầu hủy một phần Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Dương Văn N với ông Lê Văn D, diện tích 1.835,7m² thuộc một phần thửa số 447, tờ bản đồ số 05.

Ông Dương Văn H1 được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện việc tách thửa sang tên theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Về chi phí tố tụng số tiền 35.823.400 đồng; ông Dương Văn H1 và ông Dương Văn N mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ bằng 17.911.700 đồng. Do ông H1 đã nộp toàn bộ số tiền chi phí đo đạc, thẩm định, định giá 35.823.400 đồng, nên buộc ông N phải trả lại cho ông H1 số tiền 17.911.700 đồng.

Kể từ ngày ông H1 có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng ông N còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Dương Văn H1 được miễn chịu án phí.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Dương Văn N phải chịu 300.000 đồng. Ngày 21/9/2023 ông N đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007369 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được đối trừ chuyển thu án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Lập